

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG ẢNG**
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14 /2021/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 9 năm 2021
“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Thanh**.

2. Ông: **Hảng A Nénh**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Hồng Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng - tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Minh Thu** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị X; Sinh năm 1992

Nơi cư trú: Bản H, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh Tòng Văn D; sinh năm 1990

Nơi cư trú: Bản L, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại bản tự khai ngày 30/6/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lò Thị X trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Tòng Văn D lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 15/11/2011 tại UBND xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên. Trước khi kết hôn hai bên tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động từ bên ngoài. Sau khi cưới hai vợ chồng chung sống hòa thuận, đầm ấm được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn cãi vã do anh D không lo làm ăn kinh tế, không chăm lo, vun vén cho hạnh phúc gia đình. Từ tháng 10 năm 2018 đến nay tôi và anh D đã sống ly thân, tôi bỏ về nhà bố mẹ đẻ tôi ở bản H, xã C, huyện T sinh sống. Mặc dù được hai bên nội, ngoại hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn của hai vợ chồng vẫn không thể giải quyết. Nay tôi thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Tòng Văn D.

Về con chung: Tôi và anh D có 02 người con chung: Cháu Tòng Văn T, sinh ngày: 21/12/2012 và cháu Tòng Thị Khánh D2, sinh ngày: 11/5/2018. Hiện nay cả 02 cháu đang ở cùng với tôi (Lò Thị X) tại bản H, xã C, huyện T. Nguyên vọng của tôi là được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu T, D2 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh Tòng Văn D cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản:

- Tài sản chung của vợ chồng: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).
- Tài sản riêng: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).
- Nợ phải trả; nợ lấy về: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).

Bị đơn anh Tòng Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và chị Lò Thị X lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 15/11/2011 tại UBND xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên. Nay chị X xin ly hôn tôi không nhất T ly hôn. Vì chị X đi đâu thì vẫn là vợ tôi, sau này chị X nghĩ về con, về gia đình tôi vẫn tha thứ.

Về con chung: Tôi và chị X có 02 người con chung: Cháu Tòng Văn T, sinh ngày: 21/12/2012 và cháu Tòng Thị Khánh D2, sinh ngày: 11/5/2018. Hiện nay 02 cháu T, D2 đang ở cùng với chị Lò Thị X tại bản H, xã C, huyện T. Nguyên vọng của tôi là được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Còn chị X cương quyết không cho nuôi thì tôi xin nhận nuôi 01 cháu (cháu nào do chị X quyết định). Tôi không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, Tài sản riêng, Nợ phải trả; nợ lấy về: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:** Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Tòng Văn T. Nguyên vọng cháu là muốn được ở với mẹ.

Quan điểm của đại diện VKSND huyện Mường Ảng:

Về thủ tục: Quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, Tổng đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị X và anh Tòng Văn D đăng ký kết hôn từ ngày 15/11/2011 tại UBND xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên. Trước khi kết hôn với nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động từ bên ngoài. Từ khi lấy nhau chị X, anh D chung sống hạnh phúc được 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn, do anh D không lo làm ăn kinh tế, không chăm lo, vun vén cho hạnh phúc gia đình. Mặc dù được 2 bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không thành, anh chị ly thân đã lâu, không còn chăm sóc quan tâm đến nhau. Nên áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân gia đình; Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a

khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận yêu cầu của chị X, tuyên xử cho chị Lò Thị X được ly hôn với anh Tòng Văn D.

Về con chung: Chị X và anh D có 02 người con chung: Cháu Tòng Văn T, sinh ngày: 21/12/2012 và cháu Tòng Thị Khánh D2, sinh ngày: 11/5/2018. Hiện nay 02 cháu đang ở cùng với chị Lò Thị X, nguyện vọng của chị là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T + D2 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh Tòng Văn D cấp dưỡng nuôi con chung, cháu T có nguyện vọng được ở với chị Lò Thị X. Anh D là người lao động tự do, thường xuyên đi làm xa nhà, không có nhà ở, hiện nay đang sống nhờ anh trai nên không có điều kiện về kinh tế để nuôi dạy các con chung. Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật HNGĐ giao 02 cháu T + D2 cho chị Lò Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Lò Thị X không yêu cầu anh Tòng Văn D cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ chung: Chị Lò Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cụ thể:

+ Tài sản chung của vợ chồng: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).

+ Tài sản riêng: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).

+ Nợ phải trả; nợ lấy về: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).

Nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Về án phí: Chị Lò Thị X là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Mường Ảng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án dân sự về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa nguyên đơn là chị Lò Thị X và bị đơn anh Tòng Văn D. Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt qua dịch vụ chuyển phát của bưu điện. Hết thời hạn 15 ngày bị đơn anh Tòng Văn D không có ý kiến gì.

Tòa án ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã tiến hành niêm yết công khai nhưng anh D không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021 chị Lò Thị X có đơn xin không tiến hành hòa giải. Căn cứ vào khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải mà Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt Quyết định theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Tòng Văn D có mặt.

Theo nội dung đơn xin ly hôn, lời trình bày của chị Lò Thị X tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2]. **Về hôn nhân:** Chị Lò Thị X và anh Tòng Văn D lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn 15/11/2011 tại UBND xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn chị X và anh D chung sống hạnh phúc, sau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị X và anh D bất đồng quan điểm sống, do anh D không lo làm ăn kinh tế, không chăm lo, vun vén cho hạnh phúc gia đình. Mặc dù tại phiên tòa anh D mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau, nhưng tháng 9 năm 2019 đến nay anh chị đã sống ly thân, không quan tâm, liên lạc với nhau, chị X, anh D không còn tiếng nói chung, thường xuyên xúc phạm nhau. Xét thấy, vợ chồng anh chị không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị X, anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị X. Tuyên xử cho chị Lò Thị X được ly hôn với anh Tòng Văn D.

[3]. **Về con chung:** Chị X và anh D có 02 người con chung: Cháu Tòng Văn T, sinh ngày: 21/12/2012 và cháu Tòng Thị Khánh D2, sinh ngày: 11/5/2018. Tại phiên tòa chị X và anh D tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung Hội đồng xét xử thấy rằng:

Việc chị X muốn tự mình nhận nuôi cả hai người con chung là phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Anh D là người lao động tự do, thường xuyên đi làm xa nhà, không có nhà ở, hiện nay đang sống nhờ anh trai nên không có điều kiện về kinh tế để nuôi dạy các con chung. Hiện nay cả hai cháu đang sống ổn định cùng mẹ từ khi chị X, anh D không còn sống chung, các cháu vẫn còn nhỏ nên để không gây xáo trộn về tâm lý đồng thời đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt của cháu.

Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật HNGĐ giao cháu T, cháu D2 cho chị Lò Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Theo nội dung đơn xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Lò Thị X không yêu cầu anh Tòng Văn D cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. **Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ chung:**

Theo nội dung đơn khởi kiện, trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa ngày hôm nay chị Lò Thị X, anh Tòng Văn D không yêu cầu giải quyết. Cụ thể:

+ Tài sản chung của vợ chồng: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).

+ Tài sản riêng: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).

+ Nợ phải trả; nợ lấy về: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).

Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị X, anh Tòng Văn D là phù hợp nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[5]. **Về án phí:** Xét thấy chị Lò Thị X là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị X.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị X; Chị Lò Thị X được ly hôn anh Tòng Văn D.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Tòng Văn T, sinh ngày: 21/12/2012 và cháu Tòng Thị Khánh D2, sinh ngày: 11/5/2018 cho chị Lò Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị X không yêu cầu, nên không giải quyết.

Thời điểm giao nuôi hai cháu Tòng Văn T, cháu Tòng Thị Khánh D2 cho chị X kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh D có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị X.

Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã Xuân Lao, huyện Mường Ảng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân